

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **720/2026/DS-PT**

Ngày: 29 – 9 – 2026

V/v “*Tranh chấp chia di sản
thừa kế theo di chúc*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Thẩm phán:

Ông Lê Văn An

Ông Trần Nam Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Lâm Đông Đông - Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tham gia phiên tòa:
ông Phùng Đức Nam - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23/9 và 29/9/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 605/2026/DS-PT ngày 21/8/2026 về việc: “*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 200/2026/DS-ST ngày 20/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 701/2026/QĐ-PT ngày 27/8/2026 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Võ Phương T**, sinh năm 1973; Số CCCD 075073005xxx, cấp ngày 12/8/2021, nơi cấp: Cục trưởng CSQLHC về TTXH; Địa chỉ: số H, tổ I, khu phố C, phường T, thành phố Đồng Nai – có mặt.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Thanh H, sinh năm 1971; Số CCCD 001071050xxx, cấp ngày 23/3/2022, nơi cấp: Cục trưởng CSQLHC về TTXH; Địa chỉ: số B N, tổ E, khu phố B, phường T, thành phố Đồng Nai – có mặt.

- *Bị đơn:* Bà **Võ Thị Thu H1**, sinh năm 1971; Số CCCD 075171001xxx, cấp ngày 19/4/2021, nơi cấp: Cục trưởng CSQLHC về TTXH; Địa chỉ: Số B T, phường T, thành phố Đồng Nai – vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thy V, sinh năm 1959; Số CCCD 07515900xxx, cấp ngày 16/9/2021, nơi cấp: Cục trưởng CSQLHC về TTXH; Địa chỉ: Số A, Hương lộ I, ấp T, phường T, thành phố Đồng Nai – có mặt.

2. Bà Võ Thị Đ, sinh năm 1961, Số CCCD 075161004xxx, cấp ngày 12/8/2021, nơi cấp: Cục trưởng CSQLHC về TTXH; Địa chỉ: Tổ A, khu phố A, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, thành phố Đồng Nai) – vắng mặt.

3. Bà Võ Kim P, sinh năm 1963; Địa chỉ: Số H, tổ I, khu phố C, phường T, thành phố Đồng Nai – có mặt.

4. Bà Võ Kim L, sinh năm 1966; Địa chỉ: số A, khu phố B, phường T, thành phố Đồng Nai – có mặt.

5. Bà Võ Kim L1, sinh năm 1969; Số CCCD 075169007xxx, cấp ngày 28/6/2021, nơi cấp: Cục trưởng CSQLHC về TTXH; Địa chỉ: số D B, tổ E, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đồng Nai) – có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V, bà Đ, bà P, bà L, bà L1: Bà Võ Thị Phương C, sinh năm 1976; Địa chỉ: H, tổ I, khu phố C, phường T, thành phố Đồng Nai – có mặt.

6. Bà Võ Thị Phương C, sinh năm 1976; Số CCCD 075176008xxx, cấp ngày 31/8/2021, nơi cấp: Cục trưởng CSQLHC về TTXH; Địa chỉ: số H, tổ I, khu phố C, phường T, thành phố Đồng Nai – có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà C: Ông Cò Lê H2, sinh năm 1972; Số CCCD 001072007xxx, cấp ngày 20/01/2022, nơi cấp: Cục trưởng CSQLHC về TTXH; địa chỉ: Công ty TNHH Đ2 L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh – có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Đoàn Nguyễn Hải L2, sinh năm 2000; Số CCCD 095200000xxx, cấp ngày 25/02/2025, nơi cấp: Bộ Công an; Địa chỉ: B L, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh – có mặt.

7. Bà Trịnh Thị Thùy D, sinh năm 1973; Số CCCD 075173004xxx, cấp ngày 12/8/2021, nơi cấp: Cục trưởng CSQLHC về TTXH; địa chỉ: Số H, tổ I, khu phố C, phường T, thành phố Đồng Nai – có mặt.

8. Bà Võ Phương Q, sinh năm 1996; Số CCCD 075196020xxx, cấp ngày 09/9/2022, nơi cấp: Cục trưởng CSQLHC về TTXH; địa chỉ: Số H, tổ I, khu phố C, phường T, thành phố Đồng Nai – vắng mặt.

9. Bà Võ Phương Quỳnh G, sinh năm 2003; Số CCCD 075303011xxx, cấp ngày 02/7/2021, nơi cấp: Cục trưởng CSQLHC về TTXH; địa chỉ: Số H, tổ I, khu phố C, phường T, thành phố Đồng Nai – vắng mặt.

10. Ông Võ Minh T1, sinh năm 2001; địa chỉ: Số H, tổ I, khu phố C, phường T, thành phố Đồng Nai – vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Võ Văn H3, sinh năm 1946; địa chỉ: Số H, tổ I, khu phố C, phường T, thành phố Đồng Nai – vắng mặt.

2. Bà Võ Thị S, sinh năm 1958; Số CCCD 07515800xxx, cấp ngày 31/8/2021, nơi cấp: Cục trưởng CSQLHC về TTXH; địa chỉ: Số H, tổ I, khu phố C, phường T, thành phố Đồng Nai – có mặt.

Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Phương C đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 200/2026/DS-ST ngày 30/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông Võ Phương T, do ông Trần Thanh H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Cụ Võ Văn P1, sinh năm 1938, chết ngày 03/10/2016 và cụ Lê Thị C1, sinh năm 1940, chết ngày 31/7/2018. Cụ P1 và cụ C1 có 08 người con gồm: Bà Võ Thy V, sinh năm 1959; bà Võ Ngọc Đ1, sinh năm 1961; bà Võ Kim P, sinh năm 1963; bà Võ Kim L, sinh năm 1966; bà Võ Kim L1, sinh năm 1969; bà Võ Thị Thu H1, sinh năm 1971; ông Võ Phương T, sinh năm 1973; bà Võ Thị Phương C, sinh năm 1976.

Cụ P1 và cụ C1 khi chết để lại các di sản:

1. Quyền sử dụng đất có diện tích 338m², thuộc thửa đất số 480, tờ bản đồ số 32, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (cũ) và Căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 113,2m² tại địa chỉ 8, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (cũ) thuộc thửa đất trên; đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 881284, do UBND thành phố B cấp ngày 05/3/2012; đã hủy bỏ thu hồi đất.

2. Quyền sử dụng đất có diện tích 144,1m², thuộc thửa đất số 276, tờ bản đồ số 32, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (cũ); thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hiện nay thửa đất đã bị thu hồi và các đồng thừa kế đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; không yêu cầu chia thừa kế đối với phần này.

3. Quyền sử dụng đất có diện tích 180,8m², thuộc thửa đất số 331, tờ bản đồ số 32, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (cũ); thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hiện nay thửa đất đã bị thu hồi và các đồng

thừa kế đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; không yêu cầu chia thừa kế đối với phần này.

Ngày 02/11/2005, cụ P1 và cụ Công lập di chúc có nội dung như sau:

“Chúng tôi có căn nhà số H khóm I - phường T - Thành phố B - Tỉnh Đồng Nai và diện tích đất là 700m². Nay trong lúc vợ chồng tôi còn mạnh khỏe, minh mẫn, sáng suốt, không có sự ép buộc của bất cứ một ai, chúng tôi quyết định sau này sẽ để lại cho:

Con tên: Võ Phương T, sinh năm 1973, hiện cư ngụ tại 815/6, khóm I - phường T, Căn nhà số H khóm I - phường T - Thành phố B - Tỉnh Đồng Nai và 120m² đất.

Con tên: Võ Thị Phụng C2, sinh năm 1976, hiện cư ngụ tại H khóm I, phường T 60m² đất.”

Quá trình sử dụng các di sản mà ông T được cho theo di chúc:

1. Đối với căn nhà cấp 4 tại địa chỉ 8, khu phố C, phường T thành phố B, tỉnh Đồng Nai (cũ) thuộc thửa đất số 480, tờ bản đồ số 32, vợ chồng ông T đang quản lý, sử dụng. Quá trình sử dụng, vợ chồng ông T đã sửa chữa và có hiện trạng như theo bản vẽ (diện tích xây dựng trệt 141m², diện tích xây dựng gác 29,1m², tổng diện tích sử dụng 170,1m²).

2. Đối với phần diện tích đất 120m² ông T được cho theo di chúc; năm 2017 cụ C1 đồng ý cho vợ chồng ông T xây nhà trên đất; vợ chồng ông T đã xây dựng 01 căn nhà cấp 3, có diện tích 105m² trên thửa đất số 480, tờ bản đồ số 32, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (cũ).

Kết quả đo đạc và thẩm định giá tài sản thì đồng ý, không có ý kiến.

Yêu cầu khởi kiện: Chia thừa kế theo di chúc ngày 02/11/2005 của cụ P1 và cụ C1, ông T được hưởng di sản theo di chúc là căn nhà số H, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (cũ), gắn liền với phần đất có diện tích theo kết quả đo đạc là 132,9m² và phần đất ông T đã xây nhà có diện tích 105m² thuộc thửa đất số 480, tờ bản đồ số 32, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn bà Võ Thị Thu H1 trình bày: Bà thống nhất với phần trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân và những người con của cụ P1 và cụ C1, thời điểm cụ P1 và cụ C1 chết; thống nhất về di sản mà cụ P1 và cụ C1 để lại. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T thì bà đồng ý, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà V, Đ1, P, L, L1, C2, do bà Võ Thị Phương C đại diện trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của ông T về quan hệ hôn nhân và những người con của cụ P1 và cụ C1, thời điểm cụ P1 và cụ C1 chết; thống nhất về di sản mà cụ P1 và cụ C1 để lại.

Về di sản: Khi chết thì cụ P1 và cụ C1 để lại di sản là căn nhà có diện tích 178,5m² và diện tích đất 421,7m² tọa lạc tại địa chỉ số H, khóm C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, thuộc thửa đất số 480, tờ bản đồ 32 phường T, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4701081533, cấp năm 2003. Ngoài ra cụ P1 và cụ C1 có hai thửa ruộng khác tại phường T, diện tích cụ thể thì bà không nắm được.

Về di chúc: Ông T cung cấp di chúc của cụ P1 và cụ Công lập năm 2005, bà cho rằng di chúc này là giả tạo, bà đã yêu cầu Trung tâm giám định dấu vân tay của người lập di chúc và chữ ký, chữ viết của hai người làm chứng là ông Võ Văn H3 và bà Võ Thị S. Nội dung của di chúc không rõ ràng: Không xác định được diện tích đất 700m² trong di chúc; trong di chúc có cho bà C 60m² đất là không đúng vì bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất 83,7m². Đối với yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của ông T thì bà không đồng ý.

Bà đưa ra phương án hòa giải là chia cho ông T phần đất ông T đã xây nhà và ở trên đất có diện tích đo đạc là 80m²; đối với căn nhà số H do cha mẹ để lại thì không đồng ý chia mà để thờ cúng cha mẹ.

Kết quả đo đạc và thẩm định giá tài sản thì đồng ý, không có ý kiến.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C trình bày:* Di chúc cụ P1, cụ C1 là di chúc không hợp pháp vì người lập di chúc không minh mẫn trong khi lập di chúc; nội dung của di chúc không rõ ràng, không xác định được việc cho căn nhà số H có gắn liền với đất hay không, không xác định được phần đất 120m² được cho theo di chúc thuộc thửa đất nào; hình thức của di chúc không đảm bảo, người làm chứng không thừa nhận việc ký tên trong di chúc, không có hồ sơ lưu trữ việc chứng thực di chúc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người làm chứng ông Võ Văn H3 trình bày:* Ông được các cháu của ông cho xem bản di chúc cụ P1 và cụ Công lập, ông khẳng định ông không ký tên trong bản di chúc, chữ viết tên Võ Văn H3 trong di chúc không phải là chữ viết của ông, ông cũng không ra phường ký tên làm chứng trong bản di chúc.

- *Người làm chứng bà Võ Thị S trình bày:* Bà được các cháu của bà cho xem bản di chúc cụ P1 và cụ Công lập, bà khẳng định bà không ký tên trong bản di chúc, chữ viết tên Võ Thị S trong di chúc không phải là chữ viết của bà, bà cũng không ra phường ký tên làm chứng trong bản di chúc.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 200/2026/DS-ST ngày 30/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Phương T về việc tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc đối với bị đơn bà Võ Thị Thu H1.

Chia cho ông Võ Phương T được quyền sử dụng diện tích đất 132,9m², thuộc thửa đất số 480, tờ bản đồ 32, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, phần đất được giới hạn bởi các điểm (1', 2', 3', 4', 5', 7', 8', 9', 10', 11', 12', 13', 1') theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất số 4102/2026 ngày 10/4/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai và căn nhà cấp 4 trên phần đất nêu trên có kết cấu: Mái tôn, trần tôn lạnh, sàn gác gỗ, cột BTCT + gạch, tường gạch, nền gạch men, cửa sắt + kính, có diện tích xây dựng trệt 141,0m², diện tích xây dựng gác 29,1m², theo Bản vẽ hiện trạng nhà ngày 18/12/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh B. Buộc bà Võ Kim P, anh Võ Minh T1 giao lại nhà, đất nêu trên cho ông Võ Phương T.

Chia cho ông Võ Phương T được quyền sử dụng diện tích đất 80m², thuộc thửa đất số 480, tờ bản đồ số 32, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, phần đất được giới hạn bởi các điểm (21', 5, 17', 18', 19', 20', 21'), theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất số 4102/2026 ngày 10/4/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai.

Ông Võ Phương T có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên theo quy định của Luật đất đai.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 12/6/2026 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai ban hành Quyết định kháng nghị số 113/QĐ-VKSKV1-DS đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Nai căn cứ nội dung quyết định kháng nghị xét xử phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 200/2026/DS-ST ngày 30/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

Ngày 08/6/2026 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Phương C yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 200/2026/DS-ST ngày 30/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai rút một phần nội dung kháng nghị số 113/QĐ-VKSKV1-DS ngày 12/6/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 01 – Đồng Nai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Với những chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà C và căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của phía nguyên đơn về việc hỗ trợ chi phí di dời, tạo điều kiện cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thời gian lưu cư 03 tháng và sửa về cách tuyên án nhằm đảm bảo cho việc thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai.

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai và đơn kháng cáo của bà Võ Thị Phương C làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng cáo, kháng nghị phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Võ Thị Phương C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà C cho rằng di chúc của cụ P1 và cụ Công lập năm 2005 là giả tạo, nội dung của di chúc không xác định được diện tích đất 700m² trong di chúc; trong di chúc có cho bà C 60m² đất là không đúng vì bà C đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất 83,7m².

Xét thấy, các đương sự chỉ tranh chấp đến căn nhà ở địa chỉ 8, khu phố C, phường T, thành phố B, có diện tích xây dựng 113,2m², nhà cấp 4, số tầng 1. Tại thời điểm mở thừa kế, di sản cụ P1 và cụ C1 để lại đối với thừa đất số 480, tờ bản đồ số 32, phường T là Quyền sử dụng đất có diện tích 338m² và nhà ở cấp 4 có diện tích 113,2m² tại địa chỉ 8, khu phố C, phường T, thuộc thửa đất số 480, tờ bản đồ 32, phường T;

Về tính hợp pháp của giấy di chúc:

Giấy di chúc ngày 02/11/2005 của cụ P1, cụ C1 được lập thành văn bản, có chứng thực của UBND phường T; do vậy Giấy di chúc của cụ P1, cụ C1 là loại “Di chúc bằng văn bản có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn” theo quy định tại Điều 653 Bộ luật Dân sự 1995.

Trong Giấy di chúc có điểm chỉ của người lập di chúc là cụ P1, cụ C1; Tòa án đã thực hiện giám định dấu vân tay của người lập di chúc, theo kết luận giám định số 1877/C09B ngày 02/4/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận dấu vân tay của người lập di chúc trên Giấy di chúc và trên các mẫu so sánh là dấu vân tay của cùng một người. Đồng thời trong Giấy di chúc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân đã ký vào bản di chúc, có số chứng thực 31 ngày 08/11/2005. Như vậy, Giấy di chúc đã được người lập di chúc điểm chỉ và người thẩm quyền chứng thực đã ký vào bản di chúc, đã tuân thủ về mặt hình thức của Di chúc theo quy định tại khoản 1 Điều 661 Bộ luật Dân sự 1995.

Về người làm chứng trong di chúc: Theo quy định tại khoản 2 Điều 661 Bộ luật Dân sự 1995, đối với hình thức di chúc bằng văn bản có chứng thực của Ủy ban nhân dân thì người làm chứng chỉ bắt buộc khi người lập di chúc không đọc được, không nghe được, không ký, không điểm chỉ được. Tại phần lời chứng của người có thẩm quyền chứng thực, tại thời điểm chứng thực ông P1, bà C1 có đủ năng lực hành vi dân sự, phù hợp với đạo đức xã hội, người lập di chúc đã đọc lại di chúc, đồng ý ký tên và lấn tay. Như vậy, Giấy di chúc của cụ P1, cụ C1 không cần thiết bắt buộc phải có người làm chứng; Tuy nhiên, kết luận giám định khẳng định chữ ký đứng tên Võ Thị S (người làm chứng) trên tài liệu cần giám định so với chữ ký đứng tên Võ Thị S trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Về nội dung của di chúc: Người lập di chúc là Võ Văn P1, sinh năm 1938 và Lê Thị C1, sinh năm 1940; người được hưởng di sản là Võ Phương T, Võ Thị Phượng C2; di sản để lại là: Căn nhà số H, khóm I, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và diện tích đất 700m²; nội dung của di sản trong Di chúc phù hợp với di sản cụ P1, cụ C1 để lại vào thời điểm mở thừa kế. Ngoài tài sản nói trên, cụ P1, cụ C1 không còn tài sản nào khác. Như vậy, về nội dung di chúc phù hợp với quy định tại Điều 656 Bộ luật Dân sự 1995.

Đối với ý kiến của bà C2 cho rằng cụ P1, cụ C1 lúc lập di chúc không minh mẫn là không có căn cứ vì sau ngày lập di chúc 13 năm sau hai cụ mới qua đời.

Từ những phân tích nêu trên Tòa án cấp sơ thẩm xác định giấy di chúc ngày 02/11/2005 của cụ P1, cụ C1 là di chúc hợp pháp nên xem xét chia di sản theo nội dung của giấy di chúc là phù hợp, có căn cứ. Do vậy, việc bà C2 kháng cáo cho rằng di chúc không hợp pháp, người làm chứng ông Võ Văn H3 và bà Võ Thị S không chứng kiến việc lập di chúc là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét kháng nghị của Quyết định kháng nghị số 113/QĐ-VKSKV1-DS của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Nội dung kháng nghị về việc không công nhận hiệu lực của di chúc ngày 02/11/2005 vì di chúc ngày 02/11/2005 của cụ P1, cụ C1 được đánh máy nên phải có 02 người làm chứng. Tuy nhiên ông H3 và bà S không chứng kiến việc cụ P1, cụ Công lập di chúc, không xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc. Do đó, hình thức của di chúc lập ngày 02/11/2005 và được Ủy ban nhân dân phường T chứng thực vào ngày 08/11/2005 không tuân thủ về mặt hình thức của di chúc theo quy định của pháp luật.

Xét thấy nội dung nêu trên tại phiên toà phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai đã rút và xác định Giấy di chúc ngày 02/11/2005 của cụ P1, cụ C1 có hình thức và nội dung được thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 650, 652 và 653, 657 Bộ luật Dân sự 1995 nên được xem là di chúc hợp pháp và đề nghị công nhận di chúc nên không có căn cứ cho rằng di chúc vô hiệu.

Mặt khác, sau ngày lập di chúc, ông T xây nhà ở phía đối diện nhà cha mẹ số 815/6, lúc này không ai trong gia đình thắc mắc khiếu nại gì. Ngày 03/10/2016, cụ P1 chết, ngày 31/7/2018 cụ C1 chết. Như vậy, từ ngày lập di chúc đến ngày 02 cụ chết, 02 cụ không lập bản di chúc nào khác thay thế tờ di chúc ngày 02/11/2005 này, cũng như không có ý kiến nào khác về việc giao quyền tài sản cho người con khác.

Hồ sơ vụ án còn thể hiện, sinh thời cụ P1, cụ C1 đều đã tặng cho các con 01 phần đất riêng để ổn định cuộc sống. Riêng ông T là người sau cùng được cha mẹ giao lại 01 phần đất để ở và giao căn nhà số H là nơi 02 cụ sinh sống, thờ cúng cho ông T.

Về nội dung của di chúc: cụ P1, cụ C1 định đoạt như sau:

"...Chúng tôi có căn nhà số H, khóm I, phường T, Tp ., tỉnh Đồng Nai và diện tích đất là 700m²...

Con tên: Võ Phương T, sinh năm 1973, hiện cư ngụ 815/6 khóm I, phường T căn nhà số H khóm I, phường T, thành phố B, Đồng Nai và 120m² đất.

Xét thấy: Việc giao cho ông T căn nhà số H gắn liền với diện tích đất (sau khi đo đạc thực tế diện tích đất 132,9m², thuộc thửa đất số 480, tờ bản đồ 32, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, phần đất được giới hạn bởi các điểm (1', 2', 3', 4', 5', 7', 8', 9', 10', 11', 12', 13', 1') dựa trên nội dung di chúc là phù hợp, có căn cứ. Do đó, nội dung kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai về việc đề nghị tuyên bố di chúc vô hiệu là không có cơ sở để xem xét. Mặt khác, về nội dung này đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai

đã rút và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm công nhận hiệu lực của di chúc là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với nội dung kháng nghị về cách tuyên của Tòa án sơ thẩm:

- Bản án sơ thẩm tuyên xử: "Ông Võ Phương T có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên theo quy định của Luật đất đai". Với phần tuyên xử này là chưa phù hợp, bởi sau khi chia cho ông T được quyền sử dụng diện tích đất 80m² và quyền sử dụng căn nhà số 815/6 gắn liền với diện tích đất 132,9m², thuộc thửa đất số 480, tờ bản đồ 32, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì vẫn còn một phần đất còn lại của cụ P1, cụ C1 chưa được chia thừa kế theo pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chỉ được tuyên cho ông T có quyền sử dụng đất, nhà ở theo như nội dung di chúc để lại. Việc kê khai, đăng ký đất đai, thực hiện các thủ tục xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cần phải đảm bảo đúng quy định của Luật đất đai và quy định tách thửa của UBND thành phố Đ hiện nay. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai về phần này có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3]. Đối với kháng nghị về việc xem xét công sức bảo quản, giữ gìn tài sản của bà Võ Kim P, anh Võ Minh T1 là người đang ở trên căn nhà số H: Hội đồng xét xử, xét thấy:

Theo lời trình bày của các anh chị em trong gia đình và chính bà P thừa nhận, bà P không sinh sống trực tiếp với cha mẹ tại căn nhà đang tranh chấp mà bà P thường xuyên sinh sống cùng bà Đ1 ở L và chỉ đi đi về về thăm ba mẹ. Đến năm 2008, mẹ con bà P, anh T1 mới quay về sống cùng với cụ P1, cụ C1, bà P khẳng định quá trình chung sống không tôn tạo xây dựng thêm công trình nào hay có công sức bảo quản, giữ gìn nhà và quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà P, anh T1 không yêu cầu độc lập liên quan đến di sản cũng như công sức đóng góp, giữ gìn, bảo quản tài sản. Tuy nhiên, từ sau khi cụ C1 chết năm 2018, bà P, anh T1 vẫn đang ở tại căn nhà cha mẹ cho đến nay nên cũng cần xem xét một phần đến công sức bảo quản, trông coi tài sản cũng như tạo điều kiện cho hai mẹ con được lưu cư 01 thời gian để bà P, anh T1 tìm nơi ở mới là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Võ Phương T tự nguyện đồng ý hỗ trợ cho bà P, anh T1 số tiền 120.000.000 (*một trăm hai mươi triệu*) đồng và tạo điều kiện cho bà P, anh T1 được lưu cư tại căn nhà nói trên 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử cần ghi nhận tự nguyện hỗ trợ của nguyên đơn ông T đối với bà P, anh T1 nhằm thể hiện tính nhân đạo, mối quan hệ tình thân trong gia đình và đảm bảo việc giải quyết triệt để vụ án.

Từ những phân tích trên, xét thấy 02 nội dung trong Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai về điều chỉnh cách tuyên và xem xét liên quan đến công sức bảo quản, trông coi tài sản, cũng như tạo điều kiện cho bà P, anh T1 được lưu cư (tình tiết mới phát sinh tại tòa phúc thẩm) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà C2 phải chịu theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Nai tại phiên tòa được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C2 đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận di chúc và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị Phương C.

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 113/QĐ-VKSKV1-DS ngày 12/6/2026 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đồng Nai.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 200/2026/DS-ST ngày 30/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 653, 655, 656, 661 Bộ luật Dân sự 1995; Áp dụng Điều 659 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Phương T về việc tranh chấp chia di sản thừa kế theo di chúc đối với bị đơn bà Võ Thị Thu H1.

Chia cho ông Võ Phương T được quyền sử dụng diện tích đất 132,9m², thuộc thửa đất số 480, tờ bản đồ 32, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, phần đất được giới hạn bởi các điểm (1', 2', 3', 4', 5', 7', 8', 9', 10', 11', 12', 13', 1') theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất số 4102/2026 ngày 10/4/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai và căn nhà cấp 4 trên phần đất nêu trên có kết cấu: Mái tôn, trần tôn lạnh, sàn gác gỗ, cột BTCT + gạch, tường gạch, nền gạch men, cửa sắt + kính, có diện tích xây dựng trệt 141,0m², diện tích xây dựng gác 29,1m², theo Bản vẽ hiện trạng nhà ngày 18/12/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh B. Buộc bà Võ Kim P, anh Võ Minh T1 giao lại nhà, đất nêu trên cho ông Võ Phương T.

Chia cho ông Võ Phương T được quyền sử dụng diện tích đất 80m², thuộc thửa đất số 480, tờ bản đồ số 32, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, phần đất được giới hạn bởi các điểm (21', 5, 17', 18', 19', 20', 21'), theo Phiếu đo đạc chỉnh lý thửa đất số 4102/2026 ngày 10/4/2026 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai).

Ông Võ Phương T có quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất được nhận theo di chúc và theo kết quả giải quyết của Tòa án. Ông T có nghĩa vụ liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để kê khai, đăng ký đất đai theo quy định của pháp luật.

Ông Võ Phương T có nghĩa vụ hỗ trợ cho bà Võ Kim P, anh Võ Minh T1 số tiền 120.000.000 (*một trăm hai mươi triệu*) đồng và cho bà P, anh T1 được lưu cư thời gian 03 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị được chia là 106.424.520 (*một trăm lẻ sáu triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 (*mười hai triệu*) đồng theo biên lai số 000473 ngày 18/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông Võ Phương T còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 94.424.520 (*chín mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi*) đồng.

- Bà Võ Thị Phương C phải chịu số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0015612 ngày 24/6/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai.

3. Về chi phí tố tụng:

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, thẩm định giá: Ông T được chia thừa kế theo di chúc nên ông T phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, thẩm định giá; ông T đã tạm ứng các chi phí này và đã thanh toán xong.

- Về chi phí giám định: Bà C phải chịu toàn bộ chi phí về giám định; các chi phí này bà C đã tạm ứng và đã thanh toán xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Đồng Nai;
- TAND KV 1 - Đồng Nai;
- THADS TP Đồng Nai;
- VKSNDKV 1 – Đồng Nai;
- PTHADS KV 1 -Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nga